TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13/4/2021
"*V/v ly hôn và nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Thanh Nhàn.
2. Ông Nguyễn Hữu Phước.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06/10/2020 về "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/3/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Thái Thị Ngọc Đ, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Huỳnh Tuấn T, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Thái Thị Ngọc Đ là nguyên đơn trình bày: chị với anh Thanh do mai mối và được sự chấp thuận của gia đình hai bên cho tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào tháng 3 năm 2019, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04/5/2019. Sau ngày cưới hai vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột của chị tại ấp Cả Chương, xã Tân An, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 6 năm 2019 đến nay thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh Thanh không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, làm cho cuộc sống gia đình luôn bất ổn, mâu thuẫn kéo dài và không thể khắc phục được. Trong khi chị mang thai được 01 tháng thì anh Thanh cắt đứt quan hệ vợ chồng, bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay.

- Về con chung có 01 người tên Huỳnh Bảo A, sinh ngày 12/01/2020 hiện con đang sống với chị.

- Về tài sản chung: gồm 05 chỉ vàng 24Kra và 05 chỉ vàng 18Kra, ngoài ra hai vợ chồng không có tạo lập được tài sản khác.

- Về nợ chung: vợ chồng không thiếu ai và không ai thiếu nợ vợ chồng.

Nay về hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Tuấn T.

- Về con chung: tên Huỳnh Bảo A, sinh ngày 12/01/2020 hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu pháp luật giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Tuấn T là bị đơn vắng mặt nhưng có trình bày: anh với chị Đ do tìm hiểu quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên, anh chị tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2019, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Huyền Hội, huyện Càng Long. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được, từ đó hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không hàn gắn được.

- Về con chung có 01 người tên Huỳnh Bảo A, sinh tháng 01/2020 hiện đang sống với chị Điệp.

- Về tài sản chung: là nữ trang cưới gồm 01 cây vàng (trong đó 05 chỉ vàng 24Kra và 05 chỉ vàng 18Kra). Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

- Về nợ chung: vợ chồng không thiếu ai và không ai thiếu nợ vợ chồng.

Nay về hôn nhân, anh đồng ý ly hôn với chị Thái Thị Ngọc Đ.

- Về con chung: anh đồng ý để cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng vì con còn nhỏ, anh không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu pháp luật giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, về con chung và không có cung cấp chứng cứ mới. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Huỳnh Tuấn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Thái Thị Ngọc Đ có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết vụ việc hôn nhân của chị. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Thái Thị Ngọc Đ và anh Huỳnh Tuấn T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2019. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04/5/2019 nên hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng được chị Đ và anh T thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi nhau thường xuyên, mâu thuẫn kéo dài cho đến nay không khắc phục được. Từ đó hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống một nơi từ năm 2019 cho đến nay.

Xét thấy, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đở nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đến nay hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc, lẫn nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Từ đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và làm đơn xin ly hôn với anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: tên Huỳnh Bảo A, sinh ngày 12/01/2020 hiện đang sống với chị Đ. Nguyện vọng của chị Đ là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh T cũng thống nhất giao con cho chị Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thấy từ khi chị Đ và anh T ly thân cho đến nay, cháu Bảo A do chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi của con về mọi mặt trong cuộc sống và hiện nay cháu Bảo A có cuộc sống ổn định, từ đó nghĩ công nhận sự thỏa thuận của chị Đ và anh T về chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn nên về con chung công nhận cho chị Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Huỳnh Bảo A, sinh ngày 12/01/2020.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Đ chưa đưa ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: hai bên không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí: buộc chị Thái Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật. Anh Huỳnh Tuấn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị Ngọc Đ.

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị Ngọc Đ và anh Huỳnh Tuấn T.

[2] Về con chung: Công nhận cho chị Thái Thị Ngọc Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Bảo A, sinh ngày 12/01/2020;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Đ và anh T chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: hai bên không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: hai bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Thái Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0003663, ngày 06/10/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị Thái Thị Ngọc Đ đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp tiếp.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Huỳnh Tuấn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- UBND xã Huyền Hội;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung